

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 289/2020/DS-PT
Ngày 17 - 12 -2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nhật Thu là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 353/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án sơ thẩm số 119/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện D bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 323/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1966 (có mặt)

Cư trú tại: Ấp N, xã T, huyện D, tỉnh C.

- Bị đơn:

1. Bà Lê Thu L, sinh năm 1984 (có mặt)

2. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1982 (có mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp N, xã T, huyện D, tỉnh C.

- Người kháng cáo: bị đơn bà Lê Thu L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị U trình bày:

Ngày 20/02/2020 bà có cho ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thu L vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 700.000 đồng/tháng, vốn quy định khi nào có thì trả, lãi trả hàng tháng. Sau khi vay bà L đóng lãi được 500.000 đồng, số lãi còn lại

bà L xin. Ngày 30/02/2020 bà tiếp tục cho bà L và ông P mượn 20.000.000 đồng, thỏa thuận 03 ngày trả. Từ khi vay, mượn tiền đến nay bà L và ông P không trả vốn, cũng không trả lãi cho bà. Nay bà yêu cầu ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thu L trả số tiền vay và mượn là 30.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Ngoài ra, trước đây vào ngày 15/3/2018 âm lịch bà có tham gia 02 chung hội do bà L làm chủ, bà tham gia 01 chung, 01 chung chơi dùm cho con bà là Phan Quốc Khải, chơi được một thời gian Khải hốt nhưng bà L không đồng ý giao mà yêu cầu bà phải bảo lãnh mới giao hội cho Khải. Sau khi Khải hốt hội bà là người đóng hội chết thay cho Khải. Đến ngày 15/02/2020 âm lịch bà hốt chung hội của bà, nhưng bà L nói hội bẻ nên không giao hội cho bà và hai bên có xảy ra tranh chấp và sau đó bà với bà L cản trở hội chết, số tiền còn lại bà L giao cho bà khoảng hơn 3.000.000 đồng. Đối với tiền hội bà và bà L không còn liên quan gì đến nhau nên không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Đối với việc bà cho bà L vay tiền 10.000.000 đồng và mượn 20.000.000 đồng hai bên không có làm biên nhận mà chỉ thể hiện qua qua tin nhắn bà L đã nhắn cho bà theo số điện thoại 0944.667.848 là số điện thoại của bà L.

- Bị đơn bà Lê Thu L trình bày:

Vào ngày 06/01/2018 bà có tham gia chơi số đề do bà Nguyễn Thị U bán, bà mua số đề với số tiền 980.000 đồng, không trúng. Ngày 07/01/2018 âm lịch, bà mua số khoảng 1.400.000 đồng, không trúng. Ngày 09/01/2018 âm lịch, bà mua khoảng 800.000 đồng, trúng được 2.400.000 đồng. Sau đó, ngày nào cũng có tham gia, có thua, có thắng nhưng thua nhiều hơn thắng, cụ thể số tiền thắng thua không xác định được. Bà tham gia được khoảng 02 tháng liên tục, đến cuối tháng 02/2018 âm lịch bà và bà U kết lại số tiền bà mua số đề nợ của bà U là 30.600.000 đồng. Từ đó về sau bà không tham gia nữa, số tiền mua số còn nợ bà hứa trả dần cho bà Út. Ngày 15/3/2018 âm lịch bà mở hội, bà U tham gia 02 chung, loại hội 1.000.000 đồng, tháng khui 01 lần, khi bà thu tiền hội 02 lần đầu bà U đóng đủ, đến lần thứ 03 bà U không đóng. Ngày 20/6/2018, bà Uyêu cầu bà đóng thay cho bà U để trả tiền nợ số đề của bà. Bà đóng cho bà U đến tháng 11/2019 bà U hốt 01 chung, số tiền hốt 27.200.000 đồng, bà giao đủ tiền cho bà U. Chung còn lại bà tiếp tục đóng đến ngày 15/02/2020 bà U hốt chung còn lại, số tiền hốt được 26.870.000 đồng, đến ngày 30/02/2020 hai bên có đối trừ tiền hội chết bà U còn thiếu của bà, số tiền còn lại bà giao cho bà U hơn 3.000.000 đồng và hai bên đã thanh toán xong, bà không còn nợ bà U. Bà xác định chỉ có bà U chơi của bà 02 chung hội chứ bà không biết việc bà U chơi hội dùm Khải, khi bà U hốt hội bà giao tiền cho bà U chứ không có giao tiền cho ai khác và trong danh sách tham gia hội của bà chỉ có tên của bà U. Các tin nhắn gửi bà U là tin nhắn của bà liên quan đến số tiền hội chứ không nói gì đến tiền vay và số điện thoại 0944.667.848 nhắn tin là của bà. Nay bà xác định còn thiếu bà U 2.700.000 đồng tiền số đề và đồng ý trả cho bà U.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Việc vợ ông là bà L tham gia số đề với bà U ông không hay biết. Ngày 26/02/2020 bà U đến cự cãi với vợ ông yêu cầu chung hội thì ông mới biết bà Lchưa chung hội cho bà U. Khi bà U đến đòi tiền hội có nhiều hội viên đến khui hội, sau khi cản trừ hội sống và hội chết thì vợ chồng ông còn nợ bà U hơn 3.000.000 đồng, vợ chồng ông đã trả cho bà U xong ngay ngày hôm đó. Qua ngày sau, khi vợ ông không có ở nhà bà U đến gặp ông nói “vợ mày còn thiếu tao 30.000.000 đồng mày tính sao”. Ông trả lời là không biết nợ gì và không đồng ý trả, bà U nói sẽ đi thưa. Qua yêu cầu của bà U ông không đồng ý.

Bản án sơ thẩm số 119/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện D tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U. Buộc bà Lê Thu L và ông Nguyễn Văn P liên đới trả cho bà Nguyễn Thị U 30.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/10/2020 bà Lê Thu L có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của bà, sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và tranh luận cho rằng tất cả các tin nhắn bà U cung cấp cho Tòa án là do bà đã nhắn tin cho bà U nhưng trước thời gian bà và bà Utính toán trừ cán số tiền hội bà đã nợ bà U. Sau khi trừ tiền hội bà U nợ bà và tiền bà nợ bà U thì bà đã trả cho bà U 3.000.000 đồng là bà không còn nợ bà U khoản tiền nào khác. Bà không có vay tiền và mượn tiền của bà U vào ngày 20/02/2020 và ngày 30/02/2020 với tổng số tiền 30.000.000 đồng nên bà không đồng ý trả, bà chỉ thừa nhận có thiếu bà U số tiền thua số đề của năm 2018 là 2.700.000 đồng nên bà đồng ý trả cho bà U.

Bà U thừa nhận tất cả các tin nhắn bà L nhắn cho bà là trước ngày bà L tính toán số tiền bà L nợ tiền vay và nợ tiền hội của bà. Sau khi tính toán các khoản tiền nợ thì bà L còn nợ bà 3.000.000 đồng nên bà L đã trả cho bà xong số tiền nợ và tiền hội. Còn đối với số tiền 30.000.000 đồng bà L vay và mượn của bà thì bà L không có làm biên nhận, cũng không ai biết về số tiền nợ này kể cả ông P là chồng bà L cũng không biết. Đến khi bà L không trả tiền cho bà thì bà mới cho ông P biết, ngoài ra bà L không có nợ tiền mua số đề của bà vì bà không bán số đề.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Liễu, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện D theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà L, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị U xác định vào ngày 30/02/2020 giữa bà L và bà U đã thanh toán xong nợ hội với nhau đối với các khoản tiền vay và tiền hội do hai bên giao dịch chơi hội từ năm 2018 âm lịch. Sau khi đối trừ tiền hội và tiền vay thì bà L đã trả cho bà U

3.000.000 đồng là dứt điểm số nợ tiền hụi và tiền vay. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà U cũng thừa nhận tất cả các tin nhắn do bà L nhắn tin cho bà thừa nhận có nợ tiền hụi và tiền vay của bà là trước ngày bà U và bà L tính toán nợ với nhau, bà L đã trả cho bà U 3.000.000 đồng là dứt điểm số tiền nợ theo các tin nhắn. Như vậy, việc bà L nợ tiền vay và tiền hụi của bà U trước ngày 30/02/2020 được thể hiện qua các tin nhắn được bà U thừa nhận bà L đã thanh toán xong. Bà U không có yêu cầu gì về số tiền nợ hụi và tiền vay theo các tin nhắn nên xác định là bà L đã thanh toán xong số tiền nợ vay và nợ tiền hụi trước ngày 30/02/2020.

[2] Đối với số tiền 30.000.000 đồng do bà U trình bày đã cho bà L vay ngày 20/02/2020 là 10.000.000 đồng và cho bà L mượn ngày 30/02/2020 là 20.000.000 đồng. Bà L không thừa nhận, bà U thừa nhận bà L không có làm biên nhận nợ và cũng không ai biết việc bà U cho bà L vay tiền và mượn tiền, kể cả ông P cũng không biết số tiền nợ này. Tại hồ sơ bà U có cung cấp một giấy ghi số nợ do bà U tự ghi số tiền bà L nợ bà U (BL 05) nhưng bà L cũng không thừa nhận. Tại biên bản hòa giải ngày 30/4/2020 tại trụ sở Ấp N, xã T, huyện D (BL 03) bà L thừa nhận chỉ còn nợ bà U khoảng hơn 2.000.000 đồng. Do bà U không có chứng cứ chứng minh bà L đã vay và mượn của bà U 30.000.000 đồng vào các ngày 20/02/2020 và ngày 30/02/2020 nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà U về việc buộc bà L và ông P phải trả cho bà U số tiền 30.000.000 đồng.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L thừa nhận còn nợ bà U 2.700.000 đồng là tiền thua số đề. Tuy nhiên, tại Thông báo số 35/TB-CSĐT ngày 19/8/2020 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D (BL 36) ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự về tội “Đánh bạc”, xác định bà U không có tham gia chơi số đề nên việc bà L thừa nhận nợ bà U 2.700.000 đồng tiền thua số đề là không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy bà L thỏa thuận trả cho bà U số tiền 2.700.000 đồng là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện D.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Án phí phúc thẩm: Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L nên bà L không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thu L.

Sửa bản án sơ thẩm số 119/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện D.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U về việc buộc bà Lê Thu L và ông Nguyễn Văn P liên đới trả cho bà Nguyễn Thị U 30.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thu L đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị U 2.700.000 đồng. (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thu L không phải chịu. Bà Nguyễn Thị U phải chịu 1.365.000 đồng. Đã qua bà U có dự nộp 750.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0010560 ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D được đối trừ, bà U còn phải tiếp tục nộp 615.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thu L không phải chịu. Đã qua bà L có dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011081 ngày 06 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D được nhận lại.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT (TMTANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Phương Loan

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Cẩm Đào

Hoàng Thị Hải Hà

Bùi Thị Phương Loan